TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 120/2019/QĐST-HNGĐ	*Hòa Vang, ngày 21 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 136/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông **Chế Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1988 và bà **Phạm Thị Minh T**, sinh năm 1989; Cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Các đương sự đã tự thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Chế Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Minh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Chế Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Minh T tự nguyện thỏa thuận: giao hai con chung Chế Minh N, sinh ngày 16/9/2011 và Chế Minh P, sinh ngày 17/11/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi; ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/con/tháng); thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2019 đến khi từng con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1

Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Chế Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Minh T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

- Lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng ông Chế Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Minh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền lệ phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông T và bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 2540 ngày 06/11/2019. Ông T và bà T đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Chế Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Minh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Chế Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Minh T tự nguyện thỏa thuận: giao con chung Chế Minh N, sinh ngày 16/9/2011 và Chế Minh P, sinh ngày 17/11/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi; ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/con/tháng); thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2019 đến khi từng con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Chế Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Minh T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng ông Chế Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Minh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền lệ phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông T và bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 2540 ngày 06/11/2019. Ông T và bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

(Đã ký)

NGUYỄN NGỌC NAM